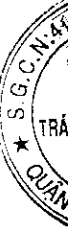




**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
và công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016



Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số

0403000380

0800296853

ngày 25 tháng 01 năm 2006

ngày 10 tháng 05 năm 2013

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0800296853 ngày 10 tháng 05 năm 2013. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Kim Lâm

Ông Phạm Văn Thư

Ông Nguyễn Thành Trung

Ông Nguyễn Quang Quyền

Ông Lê Tuấn Hải

Ông Nguyễn Việt Hà

Ông Trần Văn Dư

Bà Nguyễn Thị Mai Thanh

Chủ tịch

Thành viên

Thành viên (từ ngày 26 tháng 4 năm 2016)

Thành viên (từ ngày 26 tháng 4 năm 2016)

Thành viên (từ ngày 26 tháng 4 năm 2016)

Thành viên (đến ngày 26 tháng 4 năm 2016)

Thành viên (đến ngày 26 tháng 4 năm 2016)

Thành viên (đến ngày 26 tháng 4 năm 2016)

Ban Giám đốc

Ông Phạm Văn Thư

Ông Nguyễn Văn Thủy

Ông Nguyễn Văn Quyền

Ông Nguyễn Văn Tuấn

Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Phường Phả Lại

Thị xã Chí Linh

Tỉnh Hải Dương

Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

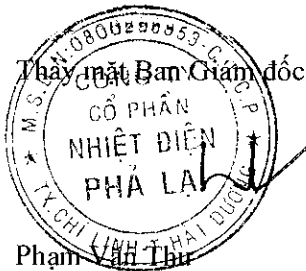
Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 51 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.



Phạm Văn Thu
Tổng Giám đốc

Hải Dương, ngày 15 tháng 8 năm 2016



KPMG Limited Branch

10th Floor, Sun Wah Tower, 115 Nguyen Hue Street,
Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City,
Vietnam

Tel: +84 8 3821 9266
Fax: +84 8 3821 9267
www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại (“Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 8 năm 2016, được trình bày từ trang 6 đến trang 51.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi không đưa ra kết luận soát xét ngoại trừ nhưng lưu ý tới Thuyết minh 3(b) trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Nhóm Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo hướng dẫn tại Nghị định số 82/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 8 năm 2014 (“Nghị định 82”) và phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo hướng dẫn tại Công văn số 3003/BTC/TCDN của Bộ Tài chính ngày 8 tháng 3 năm 2016 về việc xử lý chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (“Công văn 3003”), được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo Công văn số 2239/VPCP-KTTH ngày 4 tháng 4 năm 2016 (“Công văn 2239”). Theo hướng dẫn của Nghị định 82, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong phần “Vốn chủ sở hữu” và sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động thương mại theo nguyên tắc: số phân bổ khoản lỗ tỷ giá tối thiểu trong từng kỳ phải đảm bảo không nhỏ hơn mức lợi nhuận trước thuế trước khi phân bổ khoản lỗ tỷ giá (sau khi phân bổ lỗ tỷ giá, lợi nhuận trước thuế của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bằng không). Theo hướng dẫn của Công văn 3003, các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán năm của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 của các công ty cổ phần phát điện do các Tổng Công ty Phát điện thuộc Tập đoàn điện lực Việt Nam chiếm cổ phần chi phối được phép ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc “Vốn chủ sở hữu”, thay vì vào “Chi phí tài chính”, và sẽ được phân bổ vào chi phí năm 2015 ít nhất bằng số chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2016 và đảm bảo kết quả sản xuất kinh doanh không lỗ, số còn lại được theo dõi và tiếp tục phân bổ trong thời gian không quá 5 năm. Các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ từ năm 2016 trở đi sẽ áp dụng theo Thông tư 200. Hướng dẫn của Nghị định 82 và Công văn 3003 có sự khác biệt so với quy định chung của Thông tư 200 hiện hành. Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán này đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 được trình bày tại Thuyết minh 3(b) của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thêm vào đó chúng tôi cũng lưu ý đến Thuyết minh 3(i) trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Nhóm Công ty trích trước và ghi nhận chi phí phát sinh cho các công trình sửa chữa lớn theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015 và hướng dẫn kế toán cho các công ty thành viên do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 3793/EVN-TCKT ngày 15 tháng 9 năm 2015 (gọi chung là “Chế độ Kế toán EVN”). Theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN, chi phí sửa chữa lớn được trích trước vào giá vốn hàng bán trong kỳ và chi phí phải trả ngắn hạn dựa trên kế hoạch sửa chữa lớn hàng năm được Đại hội đồng Cổ đông thường niên phê duyệt và được điều chỉnh vào cuối năm dựa trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh. Chi phí cho các công trình sửa chữa lớn đã phát sinh nhưng chưa quyết toán được ghi nhận trên tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang” trên bảng cân đối kế toán. Khi quyết toán các công trình sửa chữa lớn, giá trị quyết toán sẽ được hạch toán bù trừ giữa hai tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang” và “Chi phí phải trả” trên bảng cân đối kế toán. Hướng dẫn nêu trên của Chế độ Kế toán EVN có sự khác biệt so quy định Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – “Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng” (“VAS 18”) mà theo đó một khoản dự phòng chỉ được ghi nhận khi một số điều kiện được thỏa mãn trong đó gồm điều kiện doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra. Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán này đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 được trình bày tại Thuyết minh 3(i) của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề khác

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 30 tháng 6 năm 2015 tương ứng được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác. Công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 trong báo cáo kiểm toán ngày 28 tháng 3 năm 2016 và kết luận ngoại trừ đối với báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 trong báo cáo soát xét ngày 10 tháng 8 năm 2015 liên quan đến vấn đề xác định giá trị dự phòng đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh. Bên cạnh đó, báo cáo soát xét về báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng có đoạn nhấn mạnh liên quan đến việc Công ty và Công ty Mua Bán điện chưa ký thỏa thuận chính thức về mức giá mua bán điện áp dụng cho năm 2015.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 16-01-254-HN/01



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0304-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2016

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		4.282.126.454.932	5.972.618.212.272
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	550.035.588.947	713.868.733.230
Tiền	111		68.035.588.947	31.855.154.711
Các khoản tương đương tiền	112		482.000.000.000	682.013.578.519
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.500.000.000.000	2.394.351.965.073
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(a)	1.500.000.000.000	2.394.351.965.073
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.473.831.174.137	2.199.610.838.721
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	1.436.299.865.922	1.466.792.190.207
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		8.451.624.600	5.386.204.582
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9(a)	35.000.000.000	735.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	10(a)	2.062.366.970	415.127.287
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(7.982.683.355)	(7.982.683.355)
Hàng tồn kho	140	12	754.998.232.662	660.122.495.795
Hàng tồn kho	141		937.868.525.781	841.308.740.312
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(182.870.293.119)	(181.186.244.517)
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.261.459.186	4.664.179.453
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		135.776.158	762.884.505
Thuế phải thu Nhà nước	153	17(b)	3.125.683.028	3.901.294.948

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		6.110.228.893.001	5.096.656.681.309
Các khoản phải thu dài hạn	210		3.460.470.467.665	2.350.000.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215	9(b)	3.460.470.467.665	2.350.000.000.000
Tài sản cố định	220		388.679.124.027	425.271.993.431
Tài sản cố định hữu hình	221	13	386.956.334.956	420.545.620.530
Nguyên giá	222		13.462.516.488.466	13.460.011.147.034
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.075.560.153.510)	(13.039.465.526.504)
Tài sản cố định vô hình	227	14	1.722.789.071	4.726.372.901
Nguyên giá	228		58.779.299.156	58.779.299.156
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(57.056.510.085)	(54.052.926.255)
Tài sản dở dang dài hạn	240		309.721.380.670	305.314.133.232
Xây dựng cơ bản dở dang	242	15	309.721.380.670	305.314.133.232
Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.947.364.192.231	2.012.124.664.178
Đầu tư vào công ty liên kết	252	7(b)	1.234.019.343.652	1.257.861.487.283
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	7(b)	1.087.136.197.991	1.087.136.197.991
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	7(b)	(373.791.349.412)	(446.949.002.346)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	7(a)	-	114.075.981.250
Tài sản dài hạn khác	260		3.993.728.408	3.945.890.468
Chi phí trả trước dài hạn	261		3.993.728.408	3.945.890.468
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		10.392.355.347.933	11.069.274.893.581

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại (Thuyết minh 36)
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		5.841.005.193.609	5.330.328.449.828
Nợ ngắn hạn	310		1.387.516.012.088	1.319.041.005.775
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	253.999.315.113	429.551.053.378
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		246.134.857	538.988.080
Thuế phải nộp Nhà nước	313	17(a)	12.133.479.723	30.674.126.967
Phải trả người lao động	314		67.446.148.561	104.329.109.419
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	544.006.105.104	343.357.792.195
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	13.457.440.523	8.518.213.476
Vay ngắn hạn	320	20(a)	404.862.655.384	348.807.603.594
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	91.364.732.823	53.264.118.666
Nợ dài hạn	330		4.453.489.181.521	4.011.287.444.053
Vay dài hạn	338	20(b)	4.453.489.181.521	4.011.287.444.053
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		4.551.350.154.324	5.738.946.443.753
Vốn chủ sở hữu	410	22	4.551.350.154.324	5.738.946.443.753
Vốn cổ phần	411	23	3.262.350.000.000	3.262.350.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		157.128.522.365	157.128.522.365
Cổ phiếu quỹ	415	23	(125.602.728.849)	(125.602.728.849)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(179.411.726.661)	(202.994.919.242)
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	550.886.364.360	493.148.698.983
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		852.591.410.103	2.115.744.625.567
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		1.202.184.552.690	1.555.093.846.682
- <i>(Lỗ)/LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		(349.593.142.587)	560.650.778.885
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		33.408.313.006	39.172.244.929
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		10.392.355.347.933	11.069.274.893.581

Ngày 15 tháng 8 năm 2016

Người lập:

Đinh Thị Diễm Quỳnh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Lê Thế Sơn
Kế toán trưởng



Phạm Văn Thư
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2016

Mẫu B 02a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	3.222.580.208.633	4.264.013.463.661
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11		3.088.279.796.739	3.942.507.347.109
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		134.300.411.894	321.506.116.552
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	193.566.022.748	154.336.704.031
Chi phí tài chính	22	29	673.278.610.574	137.224.133.128
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>64.948.273.319</i>	<i>59.331.809.916</i>
Phần lãi trong công ty liên kết	24		43.469.663.788	95.013.984.426
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	46.599.262.109	46.819.535.201
(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - 26}	30		(348.541.774.253)	386.813.136.680
Thu nhập khác	31		2.152.855.423	4.421.145.831
Chi phí khác	32		1.701.333.925	(3.244.256.143)
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		451.521.498	7.665.401.974
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(348.090.252.755)	394.478.538.654
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	597.949.255	25.329.048.400
(Lỗ)/lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		(348.688.202.010)	369.149.490.254

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Phân bổ:				
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		(349.593.142.587)	368.235.879.273
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		904.940.577	913.610.981
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	(1.099)	1.157

Ngày 15 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Đinh Thị Diễm Quỳnh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lê Thế Sơn
Kế toán trưởng



Phạm Văn Thư
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2016 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	01		(348.090.252.755)	394.478.538.654
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao	02		39.098.210.836	350.087.113.556
Các khoản dự phòng	03		(71.473.604.332)	1.818.048.602
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		672.660.591.055	77.240.478.602
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(232.959.705.286)	(249.273.071.177)
Chi phí lãi vay	06		64.948.273.319	59.331.809.916
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		124.183.512.837	633.682.918.153
Biến động các khoản phải thu	09		(68.779.489.111)	(823.364.001.027)
Biến động hàng tồn kho	10		(96.559.785.469)	(38.241.005.474)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(10.946.172.664)	477.944.453.015
Biến động chi phí trả trước	12		579.270.407	2.307.368.509
			(51.522.664.000)	252.329.733.176
Tiền lãi vay đã trả	14		(61.099.330.622)	(161.346.532.630)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(10.920.528.696)	(59.996.623.450)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(25.254.130.843)	(32.432.651.264)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(148.796.654.161)	(1.446.074.168)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2016 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(14.899.746.551)	(253.773.913.432)
Tiền chi cho các khoản cho vay, mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(897.970.467.665)	(640.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, công cụ nợ	24	1.477.500.000.000	881.200.000.000
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27	218.968.339.719	150.912.276.475
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	783.598.125.503	138.338.363.043
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(163.300.482.998)
Tiền trả cổ tức	36	(798.634.615.625)	(635.907.293.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(798.634.615.625)	(799.207.776.498)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(163.833.144.283)	(662.315.487.623)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	713.868.733.230	1.186.893.688.723
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	550.035.588.947	524.578.201.100

Ngày 15 tháng 8 năm 2016

Người lập:

Đinh Thị Diễm Quỳnh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Lê Thế Sơn
Kế toán trưởng



Phạm Văn Thư
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Nhiệt điện Phả Lại thuộc Nhóm Công ty điện lực Việt Nam (“EVN”) từ ngày 25 tháng 1 năm 2006. Khoản vốn góp của Nhóm Công ty điện lực Việt Nam vào Công ty đã được bàn giao cho Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành Viên vào ngày 26 tháng 4 năm 2013 theo Quyết định số 3024/QĐ-BCT ngày 1 tháng 6 năm 2012 của Bộ Công Thương về việc thành lập Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành Viên.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm Công ty và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) và lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Nhóm Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 1 tháng 1 năm 2016, Nhóm Công ty có 1 công ty con sở hữu trực tiếp và một công ty liên kết với thông tin chi tiết như sau:

Tên	Hoạt động chính	Địa chỉ	Phần trăm vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết	
			30/6/2016	1/1/2016
Công ty con sở hữu trực tiếp				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc	Sửa chữa thường xuyên, đại tu các thiết bị về điện và kiểm nhiệt.	Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương	50,00%	50,00%
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	Sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện).	Xã Tam Hưng, Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng	25,97%	25,97%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Nhóm Công ty có 2.075 nhân viên (1/1/2016: 2.132 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Nhóm Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Nhóm Công ty điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015, hướng dẫn kế toán cho các công ty thành viên do Nhóm Công ty Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 3793/EVN-TCKT ngày 15 tháng 9 năm 2015. Những khác biệt giữa Chế độ kế toán EVN so với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam trình bày trong các thuyết minh 3(b) và 3(i).

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày

Đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Những chính sách kế toán được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất, ngoại trừ chính sách được mô tả trong thuyết minh 3(b) sau đây.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Nhóm Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Nhóm Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Nhóm Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Nhóm Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Nhóm Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Nhóm Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá lần lượt là mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ngoại trừ chính sách kế toán áp dụng riêng được trình bày dưới đây, các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2016, chênh lệch tỷ giá hối đoái được Nhóm Công ty ghi nhận theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”). Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2016, Nhóm Công ty thay đổi chính sách kế toán liên quan đến chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia theo hướng dẫn tại Nghị định số 82/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 8 năm 2014 (“Nghị định 82”) và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo hướng dẫn tại Công văn số 3003/BTC/TCDN của Bộ Tài chính ngày 8 tháng 3 năm 2016 về việc xử lý chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (“Công văn 3003”), được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo Công văn số 2239/VPCP-KTTH ngày 4 tháng 4 năm 2016 (“Công văn 2239”). Việc thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng hồi tố trên báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Thuyết minh 36).

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) *Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia*

Theo hướng dẫn của Nghị định 82, các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong phần “Vốn chủ sở hữu” và sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động thương mại theo nguyên tắc: số phân bổ khoản lỗ tỷ giá tối thiểu trong từng kỳ phải đảm bảo không nhỏ hơn mức lợi nhuận trước thuế trước khi phân bổ khoản lỗ tỷ giá (sau khi phân bổ lỗ tỷ giá, lợi nhuận trước thuế của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bằng không). Hướng dẫn của Nghị định 82 có sự khác biệt so với hướng dẫn của Thông tư 200 mà theo đó các khoản chênh lệch tỷ giá này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ phát sinh.

Nếu Nhóm Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản nhất quán theo Thông tư 200 qua các năm thì phần lãi trong công ty liên kết và lỗ sau thuế của Nhóm Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 sẽ lần lượt giảm và tăng cùng một khoản là 12.729.164.159 VND (cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: phần lãi trong công ty liên kết và lợi nhuận trước thuế sẽ lần lượt giảm và tăng cùng một khoản là 19.622.184.376 VND), số lỗ chênh lệch tỷ giá thể hiện ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 sẽ cùng giảm 89.104.149.110 VND (1/1/2016: 101.833.313.269 VND).

(iii) *Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ*

Theo hướng dẫn của Công văn 3003, các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán năm của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 của các công ty cổ phần phát điện do các Tổng Công ty Phát điện thuộc Tập đoàn điện lực Việt Nam chiếm cổ phần chi phối được phép ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc “Vốn chủ sở hữu”, thay vì vào “Chi phí tài chính”, và được phân bổ vào chi phí năm 2015 ít nhất bằng số chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2016 và đảm bảo kết quả sản xuất kinh doanh không lỗ, số còn lại được theo dõi và tiếp tục phân bổ trong thời gian không quá 5 năm. Các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ từ năm 2016 trở đi áp dụng theo quy định chung của Thông tư 200.

Nhóm Công ty đã ghi nhận một phần lỗ chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc “Vốn chủ sở hữu”, thay vì vào “Chi phí tài chính”. Nếu Nhóm Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá nhất quán theo Thông tư 200 qua các năm thì phần lãi trong công ty liên kết và lỗ sau thuế của Nhóm Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 sẽ lần lượt giảm và tăng cùng một khoản là 10.854.028.422 VND, số lỗ chênh lệch tỷ giá thể hiện ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 sẽ cùng giảm 90.307.577.551 VND (1/1/2016: 101.161.605.973 VND).

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Nhóm Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Nhóm Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, riêng nguyên vật liệu là than dùng cho đốt lò máy phát điện được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

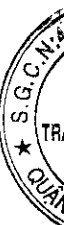
Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định xây dựng cơ bản hoàn thành được ghi tăng tài sản cố định tại thời điểm căn cứ theo biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng. Đối với các tài sản cố định được bàn giao từ đầu tư xây dựng trong năm hoàn thành nhưng chưa được phê duyệt quyết toán, giá trị ghi tăng nguyên giá tài sản cố định là chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm bàn giao nếu tập hợp đủ chi phí vào giá thành công trình hoặc giá theo dự toán được duyệt. Khi giá trị công trình được duyệt, nguyên giá tài sản cố định có thể được điều chỉnh theo giá trị quyết toán. Theo quy định tại Công văn số 2190/EVN-TCKT ngày 12 tháng 6 năm 2013 của Nhóm Công ty Điện lực Việt Nam về Hướng dẫn một số điểm chủ yếu của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khi nhận được quyết định phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành, nguyên giá tài sản cố định thay đổi, xác định lại mức trích khấu hao của tài sản cố định bằng giá trị quyết toán của tài sản cố định được phê duyệt trừ số đã trích khấu hao tại thời điểm phê duyệt quyết toán chia cho thời gian sử dụng còn lại.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	10 năm
▪ phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 – 30 năm
▪ thiết bị quản lý	3 – 10 năm
▪ tài sản khác	3 – 10 năm



Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 8 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn dở dang tại Nhóm Công ty được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối kỳ đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hoá đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CDKT ngày 3 tháng 9 năm 2015 và hướng dẫn kế toán cho các công ty thành viên do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 3793/EVN-TCKT ngày 15 tháng 9 năm 2015 (gọi chung là “Chế độ Kế toán EVN”), chi phí sửa chữa lớn được trích trước vào giá vốn hàng bán trong kỳ và chi phí phải trả ngắn hạn dựa trên kế hoạch sửa chữa lớn hàng năm được Đại hội đồng Cổ đông thường niên phê duyệt và được điều chỉnh vào cuối năm dựa trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh. Chi phí cho các công trình sửa chữa lớn đã phát sinh nhưng chưa quyết toán được ghi nhận trên tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang” trên bảng cân đối kế toán. Khi quyết toán các công trình sửa chữa lớn, giá trị quyết toán sẽ được hạch toán bù trừ giữa hai tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang” và “Chi phí phải trả” trên bảng cân đối kế toán. Hướng dẫn nêu trên của Chế độ Kế toán EVN có sự khác biệt so quy định Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – “Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng” (“VAS 18”) mà theo đó một khoản dự phòng chỉ được ghi nhận khi một số điều kiện được thỏa mãn trong đó gồm điều kiện doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra. Đối với trường hợp sửa chữa lớn tài sản cố định, điều kiện này không được thỏa mãn.

Nếu Nhóm Công ty áp dụng ghi nhận chi phí phát sinh và số dư của các công trình sửa chữa lớn theo Thông tư 200 và VAS 18 thì giá vốn hàng bán và lỗ sau thuế của Nhóm Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 sẽ giảm cùng một khoản là 190.727.871.885 VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: giá vốn hàng bán và lợi nhuận trước thuế của Nhóm Công ty sẽ lần lượt giảm và tăng cùng một khoản là 301.372.215.639 VND), tài khoản “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 sẽ tăng 190.727.871.885 VND (1/1/2016: Không), các tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang”, và “Chi phí phải trả” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 sẽ giảm tương ứng là 308.335.200.825 VND và 500.508.538.134 VND (1/1/2016: các tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang” và “Chi phí phải trả” giảm cùng một khoản là 304.939.840.134 VND).

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(m) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển của Nhóm Công ty được trích lập và sử dụng theo Nghị định số 82/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ ban hành về quy chế quản lý tài chính của Nhóm Công ty Điện lực Việt Nam.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(r) Lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Nhóm Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Nhóm Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có thay đổi trọng yếu nào trong ước tính kế toán so với các ước tính kế toán được lập trên trên các báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

5. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty là kinh doanh điện và hoạt động khác là kinh doanh các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực điện. Trong năm/kỳ, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Nhóm Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 30 tháng 6 năm 2016 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm/kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Nhóm Công ty.

Về mặt địa lý, Nhóm Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tiền mặt	51.272.949	11.313.454
Tiền gửi ngân hàng	67.984.315.998	31.843.841.257
Các khoản tương đương tiền	482.000.000.000	682.013.578.519
	<hr/>	<hr/>
	550.035.588.947	713.868.733.230
	<hr/>	<hr/>

7. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

		30/6/2016	1/1/2016
		VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn			
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	(*)	1.500.000.000.000	2.380.000.000.000
▪ Các khoản đầu tư khác	(*)	-	14.351.965.073
		<hr/>	<hr/>
		1.500.000.000.000	2.394.351.965.073
		<hr/>	<hr/>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn			
▪ Trái phiếu	(*)	-	114.075.981.250
		<hr/>	<hr/>

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư khác với thời gian đáo hạn còn lại không quá mười hai tháng kể từ ngày lập báo cáo.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào trái phiếu với thời gian đáo hạn còn lại trên mười hai tháng kể từ ngày lập báo cáo.

(*) Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn đơn vị khác

	Địa chỉ (Thành phố)	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	30/6/2016		
					Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	
Đầu tư góp vốn vào:							
▪ Công ty liên kết							
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	Hải Phòng	129.850.000	25,97%	25,97%	1.234.019.343.652	-	(*)
▪ Đơn vị khác							
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Quảng Ninh Đà Nẵng	73.587.291 7.080.000	16,35% 19,30%	16,35% 19,30%	817.295.117.400 70.800.000.000	(336.184.268.821)	(*) (*)
• Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	Buôn Mê Thuột	10.352.000	15,00%	15,00%	50.250.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	Hà Nội	5.025.000	10,61%	10,61%	100.000.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	Vũng Tàu	670.000	1,00%	1,00%	46.498.000.000	(36.314.000.000)	10.184.000.000
• Công ty khác					2.293.080.591	(1.293.080.591)	(*)
					1.087.136.197.991	(373.791.349.412)	(*)
					2.321.155.541.643	(373.791.349.412)	(*)

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

		1/1/2016					
Địa chỉ (Thành phố)		Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:							
▪ Công ty liên kết							
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng		129.850.000	25,97%	25,97%	1.257.861.487.283	-	(*)
▪ Đơn vị khác							
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh		73.587.291	16,35%	16,35%	817.295.117.400	(406.527.921.755)	(*)
• Công ty Cổ phần EVN Quốc tế		7.080.000	19,30%	19,30%	70.800.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn		10.352.000	15,00%	15,00%	50.250.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam		5.025.000	10,61%	10,61%	100.000.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa		670.000	1,00%	1,00%	46.498.000.000	(39.128.000.000)	7.370.000.000
• Công ty khác					2.293.080.591	(1.293.080.591)	(*)
					1.087.136.197.991	(446.949.002.346)	(*)
					2.344.997.685.274	(446.949.002.346)	(*)

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (*) Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Biến động khoản đầu tư vào công ty liên kết, được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	1.257.861.487.283	1.311.576.705.526
Lãi từ đầu tư vào công ty liên kết	43.469.663.788	95.013.984.426
Cổ tức nhận được	(90.895.000.000)	(77.910.000.000)
Công ty liên kết phân bổ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản các năm trước vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ	12.729.164.159	19.622.184.376
Công ty liên kết phân bổ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm 2015	10.854.028.422	-
Giảm khác	-	(8.941.471.000)
Số dư cuối kỳ	1.234.019.343.652	1.339.361.403.328

Biến động dự phòng các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	446.949.002.346	121.984.852.637
Dự phòng lập trong kỳ	1.005.000.000	134.000.000
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(74.162.652.934)	-
Số dư cuối kỳ	373.791.349.412	122.118.852.637

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty Mua bán điện	1.239.784.337.926	1.293.207.995.747
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt (*)	17.373.269.593	3.021.304.520
Dự thu lãi tiền gửi và đầu tư (**)	157.048.361.111	92.225.678.082
Các khách hàng khác	22.093.897.292	78.337.211.858
	<hr/>	
	1.436.299.865.922	1.466.792.190.207
	<hr/>	

(*) Khoản phải thu liên quan đến khoản vốn ủy thác đầu tư và lãi từ khoản vốn ủy thác đầu tư của Nhóm Công ty tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt theo hợp đồng Ủy thác quản lý danh mục đầu tư số 05/2007/BVFMC-UTĐT/PLPC ngày 18 tháng 9 năm 2007 và các biên bản và phụ lục hợp đồng từ năm 2007 đến năm 2014. Ngày 19 tháng 1 năm 2016, hai bên đã thống nhất không tiếp tục gia hạn hợp đồng ủy thác đầu tư và các phụ lục hợp đồng liên quan.

(**) Khoản phải thu liên quan đến dự thu lãi tiền gửi và đầu tư được ghi nhận theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CDKT ngày 3 tháng 9 năm 2015.

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	13.678.457.224	43.599.380.217
Công ty liên quan		
Công ty Mua bán điện	1.239.784.337.926	1.293.207.995.747
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	732.935.172	12.532.916.110
Tổng Công ty phát điện 1 – Công ty TNHH Một Thành Viên	1.200.662.045	15.666.213.084
	<hr/>	

Khoản phải thu thương mại từ công ty liên kết và các công ty liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn phải thu là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu về cho vay

(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn

	1/1/2016	Biến động trong kỳ Chuyển thành khoản cho vay dài hạn	30/6/2016
	Giá trị ghi số VND	Tăng VND	Thu hồi VND
			Giá trị ghi số VND
Các khoản cho vay ngắn hạn	735.000.000.000	427.970.467.665	-
Các khoản cho vay dài hạn đến hạn phải thu	-	52.500.000.000	(17.500.000.000)
	735.000.000.000	480.470.467.665	(17.500.000.000)
			35.000.000.000

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện khoản phải thu về cho vay từ Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành Viên (“Genco 2”), công ty mẹ, theo hợp đồng huy động vốn số 01-2015/HĐHĐV/PHALAI-ENGECO 2 ngày 19 tháng 5 năm 2015. Các khoản phải thu về cho vay này được bảo lãnh bằng cổ phần của Công ty sở hữu bởi Genco 2 có mệnh giá 860 tỷ VND (1/1/2016: 339 tỷ VND). Trong kỳ, khoản cho vay 1.163 tỷ VND đã được gia hạn thêm một năm kể từ ngày cho vay và theo đó được phân loại lại từ phải thu về cho vay ngắn hạn thành phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh 9(b)).

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Cho vay dài hạn	3.495.470.467.665	2.350.000.000.000
Khoản đến hạn thu hồi trong vòng 12 tháng	(35.000.000.000)	-
Khoản đến hạn thu hồi sau 12 tháng	3.460.470.467.665	2.350.000.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản cho vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Các khoản cho vay phải thu từ Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành Viên, công ty mẹ (Thuyết minh 9(a))	VND	6,50% - 6,87%	2017 - 2018	1.162.970.467.665	-
Khoản cho vay phải thu từ Tập đoàn điện lực Việt Nam, công ty mẹ cấp cao nhất (*)	VND	9,00%	2025	332.500.000.000	350.000.000.000
Khoản ủy thác quản lý vốn từ Tập đoàn điện lực Việt Nam, công ty mẹ cấp cao nhất (*)	VND	7,76%	2019	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
				3.495.470.467.665	2.350.000.000.000

(*) Các khoản cho vay phải thu dài hạn không có đảm bảo.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu khác

(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Phải thu người lao động	1.095.761.249	245.893.039
Phải thu về cổ tức được chia	670.000.000	-
Phải thu khác	296.605.721	169.234.248
	<hr/>	<hr/>
	2.062.366.970	415.127.287
	<hr/>	<hr/>

(b) Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ bên liên quan:

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	670.000.000	-
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu khác liên quan đến cổ tức năm 2015 từ bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Nợ xấu và nợ khó đòi

	30/6/2016			1/1/2016				
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt	trên 180 ngày	17.373.269.593	(7.326.894.041)	10.046.375.552	trên 180 ngày	17.373.269.593	(7.326.894.041)	10.046.375.552
Khác	trên 180 ngày	1.148.719.208	(655.789.314)	492.929.894	trên 180 ngày	1.148.719.208	(655.789.314)	492.929.894
		18.521.988.801	(7.982.683.355)	10.539.305.446		18.521.988.801	(7.982.683.355)	10.539.305.446
<i>Trong đó:</i>								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			(7.982.683.355)				(7.982.683.355)	

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Hàng tồn kho

	30/6/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	902.150.296.568	(182.870.293.119)	832.548.304.142	(181.186.244.517)
Công cụ và dụng cụ	5.819.171.743	-	7.575.698.287	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	29.899.057.470	-	26.759.541	-
Thành phẩm	-	-	1.157.978.342	-
	<u>937.868.525.781</u>	<u>(182.870.293.119)</u>	<u>841.308.740.312</u>	<u>(181.186.244.517)</u>



Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

13. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	1.716.694.372.098	11.610.668.790.024	87.728.753.681	42.168.195.991	2.751.035.240	13.460.011.147.034
Tăng trong kỳ	-	-	2.433.044.546	-	-	2.433.044.546
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	72.296.886	-	-	-	-	72.296.886
Số dư cuối kỳ	1.716.766.668.984	11.610.668.790.024	90.161.798.227	42.168.195.991	2.751.035.240	13.462.516.488.466
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	1.385.640.986.978	11.539.510.425.140	71.740.388.306	40.053.236.930	2.520.489.150	13.039.465.526.504
Khấu hao trong kỳ	16.189.948.042	17.275.899.099	1.941.527.736	574.063.270	113.188.859	36.094.627.006
Số dư cuối kỳ	1.401.830.935.020	11.556.786.324.239	73.681.916.042	40.627.300.200	2.633.678.009	13.075.560.153.510
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	331.053.385.120	71.158.364.884	15.988.365.375	2.114.959.061	230.546.090	420.545.620.530
Số dư cuối kỳ	314.935.733.964	53.882.465.785	16.479.882.185	1.540.895.791	117.357.231	386.956.334.956

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 10.816 tỷ VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 8.978 tỷ VND).

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	57.414.901.632	1.364.397.524	58.779.299.156
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	53.488.693.851	564.232.404	54.052.926.255
Khấu hao trong kỳ	2.838.222.498	165.361.332	3.003.583.830
Số dư cuối kỳ	56.326.916.349	729.593.736	57.056.510.085
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	3.926.207.781	800.165.120	4.726.372.901
Số dư cuối kỳ	1.087.985.283	634.803.788	1.722.789.071

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 0,3 tỷ VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 0,3 tỷ VND).

15. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	305.314.133.232	241.351.316.018
Tăng trong kỳ	12.466.702.005	28.024.694.360
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(72.296.886)	(9.119.703.439)
Giảm khác	(7.987.157.681)	(17.340.553.709)
	309.721.380.670	242.915.753.230

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Sửa chữa lớn tài sản cố định (Thuyết minh 3(i))	308.335.200.825	304.939.840.134
Xây dựng cơ bản khác	1.386.179.845	374.293.098
	309.721.380.670	305.314.133.232

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Phải trả người bán

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tập đoàn than khoáng sản Việt Nam	116.774.897.275	86.461.040.881
Tổng công ty Đông Bắc – Bộ Quốc Phòng	90.490.223.835	90.059.094.931
Công ty kinh doanh than Bắc Lạng	34.522.498.318	84.160.576.569
Các nhà cung cấp khác	12.211.695.685	168.870.340.997
	<hr/>	<hr/>
	253,999,315,113	429,551,053,378
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Thuế phải nộp/phải thu Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số đã bù trừ trong kỳ VND	30/6/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	18.031.672.191	325.468.400.929	(54.896.194.902)	(280.563.485.393)	8.040.392.825
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.862.041.486	597.949.255	(10.920.528.696)	776.743.588	316.205.633
Thuế tài nguyên	2.540.178.090	19.258.535.880	(18.293.521.005)	-	3.505.192.965
Thuế nhà đất	-	7.282.525.404	(7.398.287.558)	115.762.154	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	5.213.009.285	(3.513.438.523)	(1.668.117.662)	31.453.100
Các loại thuế khác	240.235.200	490.970.400	(490.970.400)	-	240.235.200
	30.674.126.967	358.311.391.153	(95.512.941.084)	(281.339.097.313)	12.133.479.723

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số đã bù trừ trong kỳ VND	30/6/2016 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	776.743.588	776.743.588
Thuế nhà đất	-	115.762.154	115.762.154
Thuế thu nhập cá nhân	3.901.294.948	(1.668.117.662)	2.233.177.286
	3.901.294.948	(775.611.920)	3.125.683.028

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn (*)	500.508.538.134	304.939.840.134
Chi phí lãi vay	37.530.676.920	33.681.734.223
Các khoản khác	5.966.890.050	4.736.217.838
	<hr/>	<hr/>
	544.006.105.104	343.357.792.195
	<hr/>	<hr/>

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Ban giám đốc Nhóm Công ty đang trích trước chi phí sửa chữa lớn theo kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 ngày 26 tháng 4 năm 2016 (Thuyết minh 3(i)).

19. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.139.985.001	1.638.065.626
Bảo hiểm xã hội	743.797.136	829.494.363
Kinh phí công đoàn	529.886.186	608.824.439
Bảo hiểm thất nghiệp	65.917.014	59.713.571
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	31.485.558	31.485.558
Bảo hiểm y tế	17.384.759	-
Chi phí khác	9.928.984.869	5.350.629.919
	<hr/>	<hr/>
	13.457.440.523	8.518.213.476
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phá Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Vay	Biến động trong kỳ		30/6/2016 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
	Tăng VND	Giảm VND	
(a) Vay ngắn hạn			
	1/1/2016 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND		
Vay dài hạn đến hạn trả	348.807.603.594	230.458.853.587 (174.403.801.797)	404.862.655.384
(b) Vay dài hạn			
	30/6/2016 VND		1/1/2016 VND
Vay dài hạn			
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	4.858.351.836.905 (404.862.655.384)		4.360.095.047.647 (348.807.603.594)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	4.453.489.181.521		4.011.287.444.053

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Khoản vay từ công ty mẹ cấp cao nhất	JPY	2% - 2,5%	2028	4.858.351.836.905	4.360.095.047.647

Khoản vay dài hạn từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam, công ty mẹ cấp cao nhất, được thực hiện theo hợp đồng vay lại số 002/2006/HDCVL ngày 30 tháng 11 năm 2006 từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (“JIBC”) để đầu tư xây dựng Dự án Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2. Lãi suất cho vay từ 2% năm đến 2,5% năm và phí vay lại được tính bằng 0,2% năm trên số dư nợ thực tế. Gốc vay được thanh toán trong vòng 22 năm 6 tháng bắt đầu từ năm 2006. Khoản vay này được Bộ Tài chính bảo lãnh với JIBC và không có tài sản đảm bảo.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Nhóm Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Nhóm Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Số dư đầu kỳ	53.264.118.666	22.098.366.920
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 22)	63.354.745.000	66.770.668.000
Sử dụng trong kỳ	(25.254.130.843)	(19.168.918.880)
Số dư cuối kỳ	91.364.732.823	69.700.116.040

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND		Quý đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND		Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
				Đã điều chỉnh lại	Đã điều chỉnh lại		Đã điều chỉnh lại	Đã điều chỉnh lại		
<i>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 – đã báo cáo trước đây</i>	3.262.350.000.000	157.128.522.365	(125.602.728.849)	-	-	481.135.503.956	1.899.344.385.864	41.606.735.914	5.715.962.419.250	
<i>Ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán (Thuyết minh 36)</i>	-	-	-	(121.455.497.645)	-	-	121.455.497.645	-	-	
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 - Đã điều chỉnh lại	3.262.350.000.000	157.128.522.365	(125.602.728.849)	(121.455.497.645)	-	481.135.503.956	2.020.799.883.509	41.606.735.914	5.715.962.419.250	
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	368.235.879.273	913.610.981	369.149.490.254	
Phần lãi trong công ty liên kết	-	-	-	19.622.184.376	-	-	-	-	19.622.184.376	
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	-	12.013.195.027	(12.013.195.027)	-	-	
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 21)	-	-	-	-	-	-	(62.965.834.000)	(3.804.834.000)	(66.770.668.000)	
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	-	-	(381.785.536.800)	(3.750.000.000)	(385.535.536.800)	
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(8.941.471.000)	-	(8.941.471.000)	
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 - Đã điều chỉnh lại	3.262.350.000.000	157.128.522.365	(125.602.728.849)	(101.833.313.269)	493.148.698.983	1.923.329.725.955	34.965.512.895	5.643.486.418.080		

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 - Đã điều chỉnh lại	3.262.350.000.000	157.128.522.365	(125.602.728.849)	(101.833.313.269)	493.148.698.983	1.923.329.725.955	34.965.512.895	5.643.486.418.080
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	192.414.899.612	4.206.732.034	196.621.631.646
Phân lỗ trong công ty liên kết	-	-	-	(101.161.605.973)	-	-	-	(101.161.605.973)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 - Đã điều chỉnh lại	3.262.350.000.000	157.128.522.365	(125.602.728.849)	(202.994.919.242)	493.148.698.983	2.115.744.625.567	39.172.244.929	5.738.946.443.753
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	(349.593.142.587)	904.940.577	(348.688.202.010)
Phần lãi trong công ty liên kết	-	-	-	23.583.192.581	-	-	-	23.583.192.581
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	57.737.665.377	(57.737.665.377)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 21)	-	-	-	-	-	(60.435.872.500)	(2.918.872.500)	(63.354.745.000)
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	-	(795.386.535.000)	(3.750.000.000)	(799.136.535.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	3.262.350.000.000	157.128.522.365	(125.602.728.849)	(179.411.726.661)	550.886.364.360	852.591.410.103	33.408.313.006	4.551.350.154.324

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	326.235.000	3.262.350.000.000	326.235.000	3.262.350.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	8.080.386	125.602.728.849	8.080.386	125.602.728.849
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	318.154.614	3.136.747.271.151	318.154.614	3.136.747.271.151

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và 2015.

24. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 26 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 795 tỷ VND (2015: 382 tỷ VND).

25. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang Vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho hợp đồng thuê đất không được hủy ngang như sau:

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Trong vòng một năm	13.914.778.000	13.914.778.000
Trong vòng hai đến năm năm	55.659.112.000	55.659.112.000
Sau năm năm	489.336.359.667	496.293.748.667
	558.910.249.667	565.867.638.667

27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Doanh thu bán điện	3.188.666.676.546	4.234.353.776.599
Doanh thu bán xi và phế liệu	12.396.938.967	14.817.969.544
Doanh thu cung cấp dịch vụ	21.516.593.120	14.841.717.518
	3.222.580.208.633	4.264.013.463.661

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, cho vay và hoạt động đầu tư tài chính khác	192.776.022.748	151.824.204.031
Cổ tức được chia	790.000.000	2.512.500.000
	193.566.022.748	154.336.704.031

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Chi phí lãi vay	64.948.273.319	59.331.809.916
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.641.855.685	389.915.878
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	672.660.591.055	77.240.478.602
Lỗ do thanh lý khoản đầu tư tài chính (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4.075.981.250	-
Chi phí tài chính khác	(73.157.652.934)	134.000.000
	109.562.199	127.928.732
	<hr/>	<hr/>
	673.278.610.574	137.224.133.128

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Chi phí nhân công	26.546.553.294	25.875.029.787
Chi phí vật liệu quản lý	2.886.425.947	2.965.979.198
Chi phí khấu hao	3.450.782.355	5.843.408.048
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.990.239.618	3.040.545.818
Chi phí thuế, phí và lệ phí	2.251.121.016	2.540.824.096
Chi phí khác	8.474.139.879	6.553.748.254
	<hr/>	<hr/>
	46.599.262.109	46.819.535.201

31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	2.658.633.880.650	3.106.132.803.136
Chi phí nhân công	128.207.155.798	128.533.944.770
Chi phí khấu hao	39.098.210.836	350.087.113.556
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.861.770.120	43.695.538.483
Chi phí sửa chữa lớn	203.555.855.681	320.291.357.358
Chi phí khác	61.055.087.490	45.408.304.039

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	569.487.729	24.975.081.366
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	28.461.526	353.967.034
Chi phí thuế thu nhập	597.949.255	25.329.048.400

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(348.090.252.755)	394.478.538.654
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(52.213.537.913)	59.171.780.798
Ưu đãi thuế	-	(20.466.228.451)
Thu nhập không bị tính thuế	(118.500.000)	(376.875.000)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác và thu nhập của công ty con	(6.360.077.636)	(12.811.825.073)
Chi phí không được khấu trừ thuế	111.224.226	(541.770.908)
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	28.461.526	353.967.034
	(58.552.429.797)	25.329.048.400
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	59.150.379.052	-
	597.949.255	25.329.048.400

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm đầu tính từ năm đầu tiên chính thức chuyển sang công ty cổ phần (từ năm 2006 đến năm 2017). Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 5 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2006 đến năm 2010) và giảm 50% thuế thu nhập trong 6 năm tiếp theo (từ năm 2011 đến năm 2016). Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Công ty không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20% (2015: 22%).

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc, công ty con của Công ty, có nghĩa vụ nộp cho Nhà Nước thuế thu nhập bằng mức thuế suất 20% (2015: 22%) trên lợi nhuận tính thuế.

(d) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/6/2016		1/1/2016	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗi tính thuế	394.335.860.344	59.150.379.052	-	-

Lỗi tính thuế chưa được quyết toán và sẽ hết hiệu lực vào năm 2021.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Nhóm Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 được dựa trên số lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	(349.593.142.587)	368.235.879.273
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	(349.593.142.587)	368.235.879.273

(*) Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, Nhóm Công ty chưa thể ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Nhóm Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, lỗ thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và 2015. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai kỳ trình bày là 318.154.614 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong kỳ Nhóm Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Trả gốc vay	174.403.801.797	163.300.482.998
Chi phí lãi vay	64.948.273.319	59.331.809.916
Thu nhập lãi cho vay	94.387.222.222	15.837.500.000
Thu hồi khoản cho vay	17.500.000.000	-
Mua điện	13.941.651.324	-
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên		
Cho vay	427.970.467.665	-
Thu nhập lãi cho vay	32.099.445.608	-
Các công ty liên quan khác		
Công ty Mua bán điện		
Doanh thu bán điện	3.188.093.901.198	4.233.753.648.218
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn		
Cổ tức được chia	-	2.512.500.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa		
Cổ tức được chia	670.000.000	-
Nhân sự quản lý chủ chốt Ban Giám đốc		
Lương, thưởng Ban Giám đốc	709.757.120	821.461.200

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

35. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Cần trừ phần nợ gốc vay với khoản phải thu tiền điện từ Công ty Mua bán điện	174.403.801.797	-
Chuyển khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sang khoản phải thu của khách hàng	14.351.965.073	-
Chuyển khoản cho vay ngắn hạn thành khoản cho vay dài hạn	1.162.970.467.665	-

36. Số liệu so sánh

Như đã trình bày tại Thuyết minh 3(b)(i), kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 Nhóm Công ty thay đổi chính sách kế toán và áp dụng Nghị định 82 và Công văn 3003. Việc thay đổi chính sách kế toán được áp dụng hồi tố bằng cách điều chỉnh lại số đầu kỳ và số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2016. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Mã số	1/1/2016	1/1/2016
	(điều chỉnh lại) VND	(theo báo cáo trước đây) VND
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417 (202.994.919.242)	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421 2.115.744.625.567	1.912.749.706.325

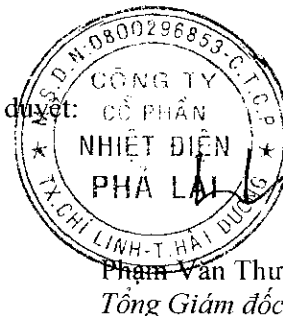
Ngày 15 tháng 8 năm 2016

Người lập:

Đinh Thị Diễm Quỳnh
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Lê Thế Sơn
 Kế toán trưởng



Phạm Văn Thư
 Tổng Giám đốc